

Số: /GPMT-UBND Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cấp cho Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Nhà máy xi măng Tân Quang công suất 2.500 tấn Clinker/ngày tại xóm 5, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Văn bản số 198/CTQ-CD-TA&MT ngày 05 tháng 02 năm 2026 đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI, có địa chỉ tại xóm 5, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*nay là tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (*cấp điều chỉnh lần 1*) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024.

Điều 2. Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (*cấp điều chỉnh lần 1*) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (*cấp điều chỉnh lần 1*) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (bản chính);
- UBND phường Nông Tiến;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI (bản chính);
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

*(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số /GPMT-UBND
ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Điều chỉnh thông tin về địa điểm hoạt động của cơ sở tại Mục 1.1, Mục 1.2 Khoản 1 Điều 1 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang như sau:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI, địa chỉ tại tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy xi măng Tân Quang công suất 2.500 tấn Clinker/ngày tại tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy xi măng Tân Quang công suất 2.500 tấn Clinker/ngày.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Tràng Đà 5, phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bổ sung chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"2.3.3b. Kể từ ngày 01/01/2032 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2025/BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần
2	Độ màu	Pt/Co	≤ 50	
3	COD	mg/l	≤ 65	
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 40	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40	
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	≤ 10	
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 4	
8	Tổng N	mg/l	≤ 20	
9	Cd	mg/l	≤ 0,02	
10	Pb	mg/l	≤ 0,1	
11	As	mg/l	≤ 0,05	
12	Hg	mg/l	≤ 0,001	
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 1	
14	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000	

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

3.1. Điều chỉnh thay đổi công nghệ xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải hệ thống lò nung và nghiền liệu (từ lọc bụi tĩnh điện sang lọc bụi túi vải) tại Mục 1.2.1 Phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"1.2.1. Thiết bị xử lý bụi, khí thải hệ thống lò nung và nghiền liệu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi thải → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 580.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có."

3.2. Điều chỉnh, bổ sung chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 trước khi xả ra môi trường; QCVN 23:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng (cột B2, K_p = 1,0; K_v = 0,8); QCVN 19:2024/BTNMT, Cột A- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

2.2.2.2. Kể từ ngày Giấy phép điều chỉnh lần 1 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031, áp dụng giá trị giới hạn cho phép đối với thông số bụi tổng theo quy định tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 trước khi xả ra môi trường:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01 đến số 10; số 12 đến số 18; số 20 đến số 31; số 33 đến số 48 và số 50				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	30	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
II	Dòng khí thải số 11				
1	Nhiệt độ	°C	-	Được miễn thực hiện quan trắc khí thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên
2	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
3	Áp suất	Kpa	-		

4	Bụi tổng	mg/Nm ³	30	định kỳ	tục
5	Nitơ đioxit, NO ₂	mg/Nm ³	800		
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	400		
7	Oxy	%	-		
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	200		
III Dòng khí thải số 19, 32, 49					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Được miễn thực hiện quan trắc khí thải định kỳ	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Áp suất	Kpa	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	30		

2.2.2.3. Kể từ ngày 01/01/2032, áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp - QCVN 19:2024/BTNMT, Cột A trước khi xả ra môi trường:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01 đến số 10; số 12 đến số 18; số 20 đến số 31; số 33 đến số 48 và số 50				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 30	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
II Dòng khí thải số 11					
1	Nhiệt độ	°C	-	Được miễn thực hiện quan trắc khí thải định kỳ	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục
2	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
3	Áp suất	Kpa	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 30		
5	Nitơ đioxit, NO ₂	mg/Nm ³	≤ 200		
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤ 150		
7	Oxy	%	-		
8	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 80		
III Dòng khí thải số 19, 32, 49					

1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Được miễn thực hiện quan trắc khí thải định kỳ	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Áp suất	Kpa	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 30		

3.3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với thiết bị xử lý bụi, khí thải hệ thống lò nung và nghiền liệu tại Mục 2 Phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm: thiết bị xử lý bụi, khí thải hệ thống lò nung và nghiền liệu.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Vị trí lấy mẫu: Ống khói lò nung và nghiền liệu.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2.2. Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: 15 ngày/lần trong giai đoạn điều chỉnh hệ thống; 07 lần/07 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định."

4. Bổ sung giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường tại Mục 3 Phần A Phụ lục 3 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"3b. Từ ngày 01/01/2027 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BNNMT, Quy chuẩn quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể như sau:

- Đối với tiếng ồn:

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT, đơn vị dBA			Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề nghị của cơ sở)
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
1	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	55	50	45	03 tháng/lần

- Đối với độ rung:

TT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn QCVN 27:2025/BNNMT, đơn vị dBA		Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề nghị của cơ sở)
		Ngày (Từ 06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (Từ 22:00 ~ trước 06:00)	
1	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	65	60	03 tháng/lần

5. Điều chỉnh chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại Mục 1 Phần A Phụ lục 4 Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Nguồn chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Phân loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	383
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	14
3	Giẻ lau dính dầu, mỡ thải (KS)	Rắn	18 02 01	KS	1.887
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02	NH	123
5	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại	Rắn	19 02 05	NH	51
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải (vỏ thùng phuy có dính dầu mỡ)	Rắn	18 01 02	KS	1.894
7	Bao bì cứng bằng nhựa thải (vỏ bao bì đựng hóa chất bằng nhựa; bao bì có dính dầu mỡ bằng nhựa)	Rắn	18 01 03	KS	39
8	Chất thải lẫn dầu (tuy ô, gioăng phốt,...)	Rắn	19 07 01	KS	135
9	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (vỏ bao bì đựng hóa chất thủy tinh)	Rắn	18 01 04	KS	128
10	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	7
11	Phế liệu thải kim loại nhiễm dầu (cán thép, xích tải)	Rắn	11 04 02	KS	881
12	Mỡ thải	Rắn	17 07 04	NH	790

13	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	10.344
14	Các loại axit thải, dung môi có tính axit thải,...từ phòng hóa nghiệm.	Lỏng	02 01 06	KS	26
15	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu, nước	Lỏng	17 05 05	NH	1.957
Tổng cộng:					18.659

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phương pháp thu gom, xử lý
1	Chất thải rắn vô cơ từ nguyên liệu sản xuất rơi vãi	8.000	Thu gom, thu hồi lại cho dây chuyền sản xuất.
2	Săm lớp, sắt thép, con lăn băng tải, băng tải cao su, lốp xe ô tô, lốp máy xúc lật, bi máy nghiền thu hồi,...	156.207	Thu gom tại nguồn, chuyển về kho tập kết CTCRCNTT của nhà máy sau đó chuyển giao cho Công ty cổ phần Cơ khí mở Việt Bắc – VVMI để tái chế làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác.
3	Gạch chịu lửa	50.000	Thu gom tại nguồn, chuyển về kho tập kết CTCRCNTT của nhà máy sau đó chuyển giao cho Ông Vũ Xuân Bình, địa chỉ tại TDP Tân Lập 4, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên để tái chế làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác.
4	Vỏ bao hông, gỗ ván, túi lọc bụi,...	12.585	Thu gom tại nguồn, chuyển về kho tập kết CTCRCNTT của nhà máy sau đó sử dụng đốt trong hệ thống lò quay để tận thu nhiệt.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	57,3

6. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI chỉ được phép thực hiện thay đổi công trình, thiết bị xử lý khí thải khi được cơ quan có thẩm quyền cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện những nội dung điều chỉnh.

- Thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải hệ thống lò nung và nghiền liệu đến Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát theo quy định của pháp luật.

- Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 04 tháng 01 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.